

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Bản án số: 62/2017/HSPT
Ngày: 18-5-2017**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

Với thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Văn Hiến

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Ông Vũ Đình Văn

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lý Thanh Tùng, cán bộ TAND tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện VKSND tỉnh TN tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Bích Hồng, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2017, tại TAND tỉnh Thái Nguyên, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 46/2017/HSPT ngày 03 tháng 4 năm 2017 đối với bị cáo Ngô Minh Hoàng, do có kháng cáo của người bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số 14/2017/HSST ngày 23/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình.

Bị cáo bị kháng cáo: A, sinh năm 1988; trú tại xóm X, xã Y, huyện Z, tỉnh Thái Nguyên; văn hóa lớp 12; nghề nghiệp công nhân; không tiền án, tiền sự; con ông B và bà C; có vợ là D và 02 con; không bị giam giữ ngày nào, nay tại ngoại; có mặt.

Người bị hại kháng cáo: Anh E, sinh năm 1986; trú tại xóm X1, xã Y1, huyện Z1, tỉnh Thái Nguyên; có mặt.

NHẬN THẤY

Theo bản cáo trạng của VKSND huyện Phú Bình và bản án hình sự sơ thẩm của TAND huyện Phú Bình thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 01/10/2016 C đèo A bằng chiếc xe máy biển số 20G1-19257 đi từ chợ Đồn, xã Kha Sơn rẽ vào đường dân sinh để đi về nhà ở xã X, huyện Y. Khi Lđèo A đi ở đoạn đường trên thì có anh T điều khiển xe máy đi phía sau vượt lên. Do đoạn đường này là đường liên xã đang thi công, khi xe của anh T chạy vượt lên làm bụi đất bay mù mịt nên giữa L, A với anh T nói nhau rồi chửi nhau. Anh T điều khiển xe đi một đoạn đến quán chị Th ở xóm X, xã X1, huyện Y thì dừng lại và anh Trọng đi vào quán của chị Thanh. Thấy vậy A bảo L dừng xe lại rồi Hoàng xuống xe đi vào quán chị Th. Lúc này anh T tay đang cầm 01 chổi cán bằng tre dài khoảng 1,2m đứng ở trong quán chị Th, A đi đến, giữa A và anh T cãi chửi nhau. A dùng tay tát anh T một cái vào mặt, anh T giờ chổi tre lên định vụt A thì A túm được giằng chiếc chổi tre vụt anh T. L vào

can ngăn đẩy A ra ngoài đường, còn chị Th đẩy anh T vào bên trong quán. Anh T cầm 01 chiếc ghế nhựa giơ lên liền bị A giằng được rồi A cầm ghế nhựa vụt anh T 02 nhát. Chị Th can đẩy anh T vào trong nhà khóa cửa lại, A và L đi về nhà. Sau khi đưa L về nhà, A về nhà mình lấy 01 con dao quắm cả chuôi dài 59cm, lưỡi dao dài 33cm, bản rộng 3,9cm rồi đi xe máy quay lại khu vực quán của chị Th tìm anh T để đánh. A điều khiển xe máy đi đến xưởng cơ khí của anh T cách quán chị Th khoảng 100m thấy anh T đang đứng dọn dẹp ở trong xưởng, A dựng xe máy rồi gọi anh T ra nhưng anh T không ra, A cầm dao quắm đi vào trong xưởng kê lưỡi dao vào cổ anh T nói "Mày thích gì", anh T nói "Tao không thích gì" đồng thời anh T đưa tay lên gạt vào tay A đang cầm dao ra làm con dao cứa vào cổ anh T gây thương tích. Thấy cổ anh T bị chảy máu, A cầm dao ra xe điều khiển đi về nhà. Anh T được người nhà đưa đến Bệnh viện đa khoa huyện Y điều trị từ ngày 01/10/2016 đến ngày 12/10/2016 ra viện.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 263/TgT ngày 27/10/2016 Trung tâm pháp y tỉnh Thái Nguyên xác định anh Ngô Văn T có vết sẹo vùng cổ màu nâu nhạt kích thước 5cm x 0,1cm; tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 1%.

Trong thời gian anh T điều trị ở Bệnh viện A đã đến thăm hỏi anh T; A và gia đình đã tự nguyện bồi thường cho anh T được 3.000.000đ.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 14/2017/HSST ngày 23/02/2017 Tòa án nhân dân huyện Y đã quyết định:

Áp dụng các điểm a, i khoản 1 Điều 104; các điểm b, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự, xử phạt A 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội cố ý gây thương tích, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo A cho UBND xã X, huyện Y để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp Ngô Minh H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự và các điều 357, 584, 585, 590 Bộ luật dân sự, buộc A phải bồi thường cho anh Ngô Văn T tổng các khoản là 10.028.364đ; A đã bồi thường được 3.000.000đ, còn phải bồi thường tiếp 7.028.364đ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ thi hành khoản bồi thường, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 07/3/2017 người bị hại anh Ngô Văn Tr kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt xử tù giam đối với A và tăng bồi thường.

Tại phiên tòa hôm nay, người bị hại anh Ngô Văn Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị xử phạt tù giam đối với A và yêu cầu tăng bồi thường.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên trong phần kết luận cho rằng bị cáo gây thương tích cho người bị hại hậu quả chỉ là 1%. Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự; có nhiều tình tiết giảm

nhẹ, không có tình tiết tăng nặng. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Bị cáo A đã chấp nhận các quyết định của bản án sơ thẩm nên sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo không kháng cáo, nhưng người bị hại là Ngô Văn T kháng cáo yêu cầu xử phạt tù giam đối với A và tăng bồi thường.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo A cũng khai nhận toàn bộ hành vi gây thương tích cho anh Tr như bản án sơ thẩm đã quy kết, đồng thời xuất trình tài liệu có nội dung ngày 17/5/2017 bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y số tiền 7.579.782đ để bồi thường cho anh Tr và để thi hành khoản tiền án phí.

Xét, lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm có nội dung phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm kết án về tội cố ý gây thương tích theo điểm a, i khoản 1 Điều 104 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của người bị hại yêu cầu xử phạt tù giam đối với A thì thấy: Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm và thể hiện tính côn đồ, coi thường sức khỏe người khác; tuy nhiên thấy hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây thương tích cho người bị hại chỉ là 01%. Trong quá trình xét xử khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét nhân thân của bị cáo, đã xét các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo theo quy định tại các điểm b, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, đã xử phạt bị cáo mức án như đã tuyên là tương xứng với hành vi và hậu quả do bị cáo đã gây ra cho người bị hại. Mặt khác thấy, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y toàn bộ tiền bồi thường còn lại và tiền án phí theo như quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cũng công khai xin lỗi người bị hại, thể hiện bị cáo đã hối cải. Do đó cần giữ nguyên mức án mà cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp, đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

Đối với kháng cáo về phần bồi thường thì thấy: Cấp sơ thẩm trong quá trình xét xử đã xem xét các tài liệu chứng cứ liên quan đến bồi thường và các quy định tại Nghị quyết số 03/2006/NQHĐTP ngày 8/7/2006 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao, đã buộc bị cáo bồi thường cho phía bị hại các khoản như đã tuyên là có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay anh T trình bày thêm rằng sau khi sự việc xảy ra anh bị tổn thất về tinh thần, giấc ngủ không sâu nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu của anh T, buộc bị cáo phải bồi thường thêm cho anh T một khoản tiền tổn thất về tinh thần tương ứng 02

tháng lương tối thiểu là 2.420.000đ (ngoài khoản tiền mà bản án sơ thẩm đã tính và bị cáo đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y).

Do buộc bị cáo phải bồi thường thêm 2.420.000đ nên bị cáo phải chịu thêm 300.000đ án phí dân sự theo quy định Nghị quyết của UBTV của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Với phân tích trên thấy kháng cáo của anh T được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần; đề nghị của đại diện Viện kiểm sát không được chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận một phần kháng cáo của người bị hại, sửa bản án sơ thẩm như sau:

1. Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 104; các điểm b, h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự, xử phạt A 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội cố ý gây thương tích, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo A cho UBND xã X, huyện Y, tỉnh Thái Nguyên để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp A thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự:

- Ghi nhận ngày 17/5/2017 bị cáo A đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Bình 7.579.782đ, trong đó có 7.028.364đ để bồi thường cho anh Trọng, 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 351.418đ án phí dân sự.

- Buộc bị cáo A phải bồi thường thêm cho anh B 2.420.000đ (số tiền này là ngoài số tiền mà bị cáo A đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y ngày 17/5/2017).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chậm thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngoài án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự bị cáo A đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y ngày 17/5/2017, bị cáo Hoàng phải nộp thêm 300.000đ án phí dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TN;
- TANDhuyện Phú Bình;
- Công an huyện Phú Bình;
- VKSND huyện Phú Bình;
- Chi cục THA dân sự huyện Phú Bình;
- UBND xã Lương Phú, huyện Phú Bình;
- Bị cáo và người bị hại (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án và Tòa án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Văn Hiến